

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH L**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2022/DS-ST

Ngày: 01-8-2022

V/v: “Tranh chấp hui”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L1.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Danh T1.

2. Ông Võ Ngọc B.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Ngọc T2, Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L.

Ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2022/TLST-DS, ngày 17 tháng 6 năm 2022, về việc: “Tranh chấp hui” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp BT2, xã BHT, huyện M, tỉnh L.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp BT2, xã BHT, huyện M, tỉnh L.

Tất cả có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H: Bà Trần Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả cho bà H số tiền hui là 15.000.000 đồng; yêu cầu trả một lần.

Đề nghị của bà Nguyễn Thị T: Bà T chỉ đồng ý trả số tiền nợ hui là 7.500.000 đồng.

Các tài liệu, chứng cứ do bà Trần Thị H: Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (bản sao), giấy hui (phô tô), bản tự khai.

Các tài liệu, chứng cứ do bà Nguyễn Thị T: Lời trình bày tại biên bản hòa giải.

Các tình tiết của vụ án:

Các tình tiết bà Trần Thị H và bà Nguyễn Thị T trình bày thống nhất: Vào ngày 20/7/2017 âm lịch, bà Nguyễn Thị T có tham gia hui do bà H làm chủ thảo. Hui gồm 15 thành viên, hui 5.000.000 đồng, 4 tháng đóng một lần. Bà T hót hui vào ngày 30/11/2019 âm lịch, số tiền hót hui là 51.700.000 đồng, bà T đã nhận đủ tiền hui do bà H giao. Sau khi hót hui, bà T có đóng hui chết được 01 kỳ rồi sau đó bà T không đóng, tổng cộng bà T vi phạm đóng hui chết là 03 kỳ x 5.000.000 đồng = 15.000.000 đồng.

Các tình tiết bà Trần Thị H và bà Nguyễn Thị T trình bày không thống nhất:

Bà H yêu cầu bà T đóng hui chết là 03 kỳ x 5.000.000 đồng = 15.000.000 đồng. Bà T chỉ đồng ý đóng 7.500.000 đồng vì cho rằng bà H đã bẻ hui.

Bà H đồng ý công khai bản án trên cổng thông tin điện tử tòa án. Bà T không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là “Hui” được quy định tại Bộ luật dân sự. Bà Nguyễn Thị T có địa chỉ tại huyện M, tỉnh L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H:

[2.1]. Bà Trần Thị H khởi kiện và cung cấp chứng cứ là giấy hui; bà T thừa nhận lời trình bày và chứng cứ của bà H; đồng ý một phần yêu cầu khởi kiện của bà H nên Tòa án căn cứ vào lời trình bày cùng tài liệu, chứng cứ của bà H cung cấp và lời trình bày thừa nhận của bà T để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2]. Theo nội dung giấy hội và lời thừa nhận của bà T có cơ sở xác định: Bà T có tham gia dây hội do bà H làm chủ. Hội gồm 15 thành viên, hội 5.000.000 đồng, 4 tháng đóng một lần. Bà T hót hội vào ngày 30/11/2019 âm lịch, số tiền 51.700.000 đồng, bà T đã nhận đủ tiền từ bà H. Sau khi hót hội, bà T có đóng hội chết một lần 5.000.000 đồng rồi sau đó bà T không đóng. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 21/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện M đã giải quyết 03 kỳ bà T vi phạm không đóng, bà T vi phạm đóng hội chết đối với 03 kỳ này là các kỳ cuối cùng.

[2.3]. Bà T cho rằng do hội vỡ (bể) nên bà T chỉ đồng ý đóng số tiền ở mức giá khi hội chưa hót là khoảng 2.500.000 đồng. Xét thấy, bà T là người được hót hội, đã nhận đủ số tiền hội được hót là 51.700.000 đồng, bà T đã được hưởng trọn quyền lợi khi tham gia dây hội, bà T phải có nghĩa vụ đóng lại hội chết cho chủ hội là bà H nhưng bà T không đóng hội chết nên bà H phải đóng choàng cho bà T. Lời trình bày của bà T chỉ đóng hội mức giá khi hội chưa hót là không có căn cứ.

[2.4]. Do đó, căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H đối với bà T, buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền hội phải đóng của 03 kỳ x 5.000.000 đồng = 15.000.000 đồng.

[3]. Về thời gian trả và cách thức trả: Bà H yêu cầu trả một lần, bà T không đồng ý. Do các đương sự không thỏa thuận được, vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4]. Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ: Được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[5]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu số tiền 750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị H không phải chịu án phí, hoàn trả bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự, xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hội của bà Trần Thị H đối với bà Nguyễn Thị T, buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền nợ hội là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

2. Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án

của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

3.1. Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu số tiền 750.000 (bảy trăm năm mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Bà Trần Thị H không phải chịu án phí, hoàn trả bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 375.000 (ba trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010432 ngày 17 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- CC.THADS huyện M;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh L1